

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ
TỈNH HÀ NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 38/2024/HS-ST

Ngày 20 - 03 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ- TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Chương và ông Lê Chí Trung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 03 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 18/2024/TLST-HS ngày 02 tháng 02 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2024/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2024/HSST-QĐ ngày 04/03/2024, đối với bị cáo:

Lê Tuấn A, sinh năm 1997 tại Hà Nam; tên gọi khác: không; nơi cư trú: Tổ dân phố B1, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Quốc V (đã chết) và bà Phạm Thị Thanh H; vợ: Bùi Thị Minh T, sinh năm 2000, con: Có 02 con lớn nhất sinh năm 2020, nhỏ nhất sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 30/10/2014, Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý xử phạt 08 tù về tội: “Trộm cắp tài sản”; Ngày 19/6/2015, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xử phạt 36 tháng tù về tội: “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”. Tổng hợp hình phạt với bản số 126 ngày 30/10/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 44 tháng tù. Chấp hành xong 02 bản án ngày 30/8/2017. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1. Chị Trần Thu G, sinh năm 1987; địa chỉ: Số 23, ngõ 1, phố P, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam. Vắng mặt.

2. Chị Bùi Thị Minh T, sinh năm 2000; địa chỉ: Tổ dân phố B1, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam. Vắng mặt.

3. Anh Chu Đức C, sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ 11, phường H, thành phố P, tỉnh Hà Nam. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền để kinh doanh nên từ cuối tháng 8/2023 đến đầu tháng 9/2023 chị Trần Thu G đã vay Lê Tuấn A số tiền 35.000.000đ (không tính lãi suất). Đến ngày 10/9/2023, chị G và Tuấn A cùng thống nhất chốt khoản nợ 35.000.000đ và tính lãi theo ngày. Cụ thể từ ngày 10/9/2023 đến ngày 07/11/2023, Tuấn A tính tiền lãi đối với khoản vay của chị G là 1.750.000đ/35.000.000đ/01 ngày tương đương 50.000đ/1.000.000đ/01 ngày, tương ứng với lãi suất 1825%/01 năm, gấp 91,25 lần mức lãi suất quy định tại Bộ luật dân sự (mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật dân sự là 20%/01 năm của khoản tiền vay). Từ ngày 08/11/2023 đến ngày 14/11/2023, Tuấn A tính tiền lãi đối với khoản vay của chị G là 750.000đ/35.000.000đ/01 ngày tương ứng với lãi suất 782,14%/01 năm, gấp 39,1 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật Dân sự. Từ ngày 15/11/2023 đến ngày 18/11/2023 Tuấn A tính tiền lãi đối với khoản vay của chị G là 1.750.000đ/35.000.000đ/01 ngày tương đương 50.000đ/1.000.000đ/01 ngày, tương ứng với lãi suất 1825%/01 năm, gấp 91,25 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật Dân sự.

Chị G và Tuấn A thống nhất trả số tiền gốc vào các ngày 4, 5, 6 hàng tháng, mỗi ngày chị G phải trả cho Tuấn A số tiền 3.600.000đ, ngày 10 hàng tháng chị G phải trả cho Tuấn A số tiền 8.400.000đ. Các ngày 01, 11, 21 hàng tháng mỗi ngày chị G phải trả cho Tuấn A số tiền 3.400.000đ. Do đặc thù công việc và số tiền lãi và tiền gốc phải trả cho Tuấn A lớn nên hàng ngày chị G bán hàng cho khách thu được tiền thì chuyển khoản trả cho Tuấn A, nếu trong ngày chị G không đưa đủ số tiền lãi và gốc thì sẽ chuyển sang ngày hôm sau trả tiếp. Các lần trả lãi chị G dùng tài khoản Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, số 0901000046025 của chị G để chuyển khoản trả lãi cho Tuấn A, Lê Tuấn A dùng các số tài khoản: Ngân hàng thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, số 1040276448 mang tên Chu Đức C và tài khoản Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội số 0680111125555 mang tên Bùi Thị Minh T để nhận tiền lãi của chị G. Tổng số tiền lãi chị G đã trả lãi cho Tuấn A trong 69 ngày là 113.750.000đ, số tiền lãi Tuấn A được phép thu theo quy định là 1.323.287đ, số tiền Tuấn A thu lời bất chính là 112.426.713đ.

Ngày 22/11/2023, chị Trần Thu G đã đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Phủ Lý tố cáo anh Lê Tuấn A về hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, tại cơ quan điều tra Lê Tuấn Anh đã khai nhận hành vi phạm tội của bản thân.

Đồ vật tài liệu thu giữ: 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 6S Plus màu vàng, số IMEI: 355737075040566, điện thoại lắp sim số thuê bao 0932286777; 01 sim điện thoại Mobifone, trên sim có ghi dãy số 840122102046523 IDE, sim số thuê

bao 0909694555; số tiền 36.323.000đ (trong đó 35.000.000đ là tiền chị Trần Thu G trả cho Tuấn A) do Tuấn A giao nộp.

Tại bản cáo trạng số 26/CT-VKS-PL ngày 31/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý đã truy tố Lê Tuấn A về tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự (BLHS).

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố đối với Lê Tuấn A theo toàn bộ nội dung bản cáo trạng, không có ý kiến thay đổi. Sau khi phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) áp dụng điểm khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 35, Điều 65 BLHS tuyên bố bị cáo phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”; đề nghị xử phạt bị cáo từ 12 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo từ 15.000.000đ đến 20.000.000đ sung Ngân sách Nhà nước. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và thực hiện quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 36.323.000đ; trả lại bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s Plus màu vàng.
- Tịch thu tiêu hủy 01 sim điện thoại Mobifone, trên sim có dãy số 8401221012046523 IDE, sim số thuê bao 0909694555 và sim có số thuê bao 0932286777 do Lê Tuấn A sử dụng vào hành vi phạm tội.
- Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Lê Tuấn A đã tự nguyện khắc phục hậu quả trả lại cho chị Trần Thu G số tiền 112.426.712đ là tiền Tuấn A đã thu lời bất chính của chị G. Chị G đã nhận số tiền trên và không yêu cầu đề nghị gì về phần bồi thường dân sự nên không đề cập.
- Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.
- Bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng đã truy tố, bị cáo không có ý kiến tranh luận, bào chữa gì; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo được hưởng khoan hồng: cải tạo tại địa phương và giảm nhẹ phạt bổ sung là phạt tiền vì hoàn cảnh kinh tế rất khó khăn, là lao động chính trong gia đình, có con bị dị tật bẩm sinh hẹp xương sọ não phải can thiệp bằng phẫu thuật nhiều lần từ khi con còn rất nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và

những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Các chứng cứ đã thu thập trong hồ sơ là hợp pháp.

[2] Đối với người tham gia tố tụng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy, trong hồ sơ vụ án đã có đầy đủ lời khai của họ, được cơ quan điều tra tiến hành lấy lời khai theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định pháp luật.

[3] Về tội danh: Tại phiên tòa, bị cáo đã khai, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý đã nêu. Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Lời khai nhận của bị cáo được thẩm tra tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản vụ việc, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và các tài liệu khác có trong hồ sơ của vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 10/9/2023 đến ngày 18/11/2023, tại thành phố P, Lê Tuấn A đã cho chị Trần Thu G vay số tiền 35.000.000đ và tính lãi suất (từ 782,14%/năm đến 1825%/năm của khoản tiền vay) cao gấp nhiều lần mức lãi suất cao nhất quy định trong pháp luật dân sự cho phép giao dịch (không quá 5 lần lãi suất 20%/01 năm của khoản tiền vay), tổng số tiền lãi bị cáo thu được là 113.750.000đ trong đó thu lời bất chính tổng số tiền 112.426.713đ. Hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 201 BLHS.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, có căn cứ, phù hợp với pháp luật.

[4] Về nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về nhân thân: Bị cáo là người đã hai lần bị xét xử và chấp hành hình phạt tù có thời hạn nhưng các lần phạm tội đều thực hiện khi chưa đủ 18 tuổi, và không có vi phạm pháp luật khác.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã bồi thường thiệt hại khắc phục toàn bộ hậu quả cho chị Trần Thu G, chị G có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo; ông nội bị cáo là thương binh 4/4 tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước được tặng thưởng huy chương kháng chiến hạng nhì nên là người có công với cách mạng; tại phiên tòa bị cáo xuất trình tài liệu về hoàn cảnh gia đình hiện rất khó khăn; bản thân là lao động chính trong gia đình khi cả hai con đều còn rất nhỏ trong đó con trai đầu lòng sinh năm 2021 đang điều trị bệnh dị tật hẹp xương sọ não bẩm sinh phải can thiệp phẫu thuật nhiều lần nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[5] Về hình phạt:

- Hình phạt chính: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, biết rõ hành vi cho vay lãi suất cao là vi phạm nhưng vẫn bất chấp pháp luật mà thực hiện. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước, cụ thể là lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, gây thiệt hại về vật chất đối với người đi vay do phải trả một khoản lãi quá cao so với quy định, làm ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, việc xét xử nghiêm minh hành vi phạm tội này là cần thiết, với mức hình phạt tương xứng tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội bị cáo đã thực hiện. Tuy nhiên xét thái độ thực sự ăn năn, hối cải, bản thân đang rất khó khăn về kinh tế vẫn khắc phục toàn bộ hậu quả đã gây ra và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đối chiếu với qui định của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP và nghị quyết số 01/2022 NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 BLHS; HĐXX thấy đủ điều kiện để bị cáo được hưởng án treo quy định tại Điều 65 BLHS để bị cáo có cơ hội giáo dục, tự cải tạo tại địa phương, lao động để khắc phục kinh tế bản thân, trách nhiệm với gia đình, con cái, sửa chữa lỗi lầm trở thành người có ích cho xã hội.

- Hình phạt bổ sung: Mục đích cho vay lãi nặng của bị cáo nhằm trục lợi bất chính về kinh tế, để đảm bảo tính nghiêm minh của loại tội phạm này cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại Điều 35; khoản 3 Điều 201 của Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên căn cứ điều kiện cụ thể của bị cáo để giảm nhẹ phần nào khi quyết định mức phạt tiền cho phù hợp.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Lê Tuấn A đã tự nguyện khắc phục hậu quả trả lại cho chị Trần Thu G số tiền 112.426.712 là số tiền Tuấn A đã thu lời bất chính của chị G. Chị G đã nhận số tiền trên và không yêu cầu đề nghị gì về phần bồi thường dân sự nên HĐXX không xem xét.

[7] Về số tiền thu lời bất chính: Đối với số tiền lãi mà Lê Tuấn A đã thu tính theo mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật Dân sự của chị G là 1.323.287đ. Số tiền này Lê Tuấn A đã tự nguyện nộp lại là 1.323.000đ trong tổng số tiền 36.323.000đ nên cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

[8] Về vật chứng:

- Đối với số tiền 35.000.000đ trong tổng số tiền 36.323.000đ là tiền Tuấn A dùng để cho vay là tiền trực tiếp liên quan đến việc phạm tội, cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s Plus màu vàng là tài sản hợp pháp của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo.

- Tịch thu tiêu hủy 01 sim điện thoại Mobifone, trên sim có dãy số 8401221012046523 IDE, sim số thuê bao 0909694555 và sim có số thuê bao 0932286777 do Lê Tuấn A sử dụng vào hành vi phạm tội.

[9] Về các tình tiết khác: Đối với chị Bùi Thị Minh T (là vợ của Lê Tuấn A) đã cho Tuấn A tài khoản Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội, số 0680111125555 của mình để sử dụng. Chị T không biết việc Lê Tuấn A sử dụng tài khoản trên để thực hiện hành vi phạm tội nên hành vi của chị T không đồng phạm với Tuấn A phạm tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Đối với Chu Đức C là người đã cho Tuấn A tài khoản Ngân hàng cổ phần Ngoại thương Việt Nam, số 1040276448 của mình để sử dụng. Anh C không biết việc Lê Tuấn A sử dụng tài khoản trên để thực hiện hành vi phạm tội nên hành vi của anh C không đồng phạm với Tuấn A phạm tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án thực hiện quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 35; Điều 47; Điều 50; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ các Điều 106; 135; 136; 331; 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Lê Tuấn Anh phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2. Xử phạt: Bị cáo Lê Tuấn Anh 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (hai mươi bốn) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lê Tuấn A cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố P tỉnh Hà Nam giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo Lê Tuấn A 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) sung ngân sách Nhà nước.

4. Xử lý vật chứng:

- Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước số tiền 36.323.000đ (ba mươi sáu triệu ba trăm hai mươi ba nghìn đồng).

- Trả lại cho bị cáo Lê Tuấn A 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s Plus màu vàng.

- Tịch thu tiêu hủy 01 sim điện thoại Mobifone, trên sim có dãy số 8401221012046523 IDE, sim số thuê bao 0909694555 và sim có số thuê bao 0932286777.

(Tình trạng, đặc điểm vật chứng như trong biên bản giao, nhận vật chứng và biên bản mở niêm phong kiểm tra vật chứng lập ngày 01/02/2024 giữa Cơ quan CSĐT Công an thành phố Phủ Lý với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý và Ủy nhiệm chi số 07 lập ngày 02/02/2024).

5. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Lê Tuấn A phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- CQCSĐT Công an thành phố Phủ Lý;
- CQTHAHS Công an thành phố Phủ Lý;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP Phủ Lý;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ đến vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký và đóng dấu))

Nguyễn Thị Mai Oanh